

Bản án số: 27/2020/DS-ST

Ngày 18/5/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Bình.

Bà Đỗ Thị Vân.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa:* Không tham gia.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người được ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thị N - Chuyên viên pháp lý Chi nhánh Công ty Luật H Thanh Hóa. Theo Hợp đồng ủy quyền số 171/2019/HĐUQ-24H ngày 16/12/2019. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2020, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P thể hiện:*

Xuất phát từ mối quan hệ họ hàng, khi bà T gặp khó khăn cần đảo sổ vay Ngân hàng và góp vốn kinh doanh nên bà Nguyễn Thị P có cho bà Lê Thị T vay tiền. Các lần vay cụ thể: Ngày 02/4/2019 (Âm lịch) cho bà T vay 120.000.000 đồng; ngày 24/6/2019 vay 280.000.000 đồng; cả hai lần vay chỉ nói miệng, đến khoảng tháng 10/2019 hai bên mới lập giấy vay tiền các khoản nợ trên. Giấy vay tiền lập là 394.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tư triệu đồng), do trước đó bà T đã trả được 6.000.000 đồng. Giấy vay tiền được lập không ghi lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ.

Để thực hiện việc đòi nợ đã cho vay, bà P đã Hợp đồng ủy quyền cho Công ty Luật H thực hiện việc đòi nợ của bà T. Ngày 20/12/2019 Công ty Luật H đã có văn bản số 197/CV-CN24H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bà Lê Thị T, thông báo chậm nhất là ngày 01/01/2020. Do việc bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà P đã khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ.

Cụ thể hai khoản vay: Ngày 02/4/2019 vay 120.000.000 đồng; ngày 24/6/2019 vay 280.000.000 đồng, đã trả 6.000.000 đồng. Tổng còn lại tiền gốc là 394.000.000 đồng.

Yêu cầu lãi suất về khoản vay quá hạn từ tháng 7/2019 đến tháng 02/2020 là 8 tháng:  $394.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 8 \text{ tháng} = 52.533.333 \text{ đồng}$ . Cả gốc và lãi phải thanh toán là 446.533.333 đồng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P yêu cầu trả số tiền gốc 394.000.000 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi 52.533.333 đồng.

*Theo bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm của bị đơn bà Lê Thị T thể hiện như sau:*

Đầu năm 2017 do làm ăn gặp khó khăn, bà T có vay của bà P 04 lần tổng là 280.000.000 đồng; cho đến ngày 24/6/2017 sau khi đã nộp lãi thì bà P có nói dồn tổng 04 lần vay đó vào ngày 24/6/2017 để tiện cho việc bà P thu lãi. Quá trình tôi (T) đã trả lãi cho bà P với mức lãi 200.000 đồng/ngày trên 100.000.000 đồng. Bà T đã trả lãi đến ngày 24/6/2019, do là hộ kinh doanh cửa hàng tạp hóa, khi đó cửa hàng của tôi nằm trong khu vực mở đường nên việc kinh doanh khó khăn nên tôi trả lãi cho bà P đến ngày 24/6/2019 và xin không đóng lãi nữa.

Ngày 02/4/2019 bà T có vay thêm của bà P 120.000.000 đồng và khoản vay này từ ngày 02/4/2019 đến ngày 26/4/2019 phải trả lãi là 6.000.000 đồng nên khi viết giấy vay tiền bà P có trừ đi khoản tiền 6.000.000 đồng này vào gốc.

Như vậy tính đến nay bà T còn nợ của bà P số tiền là 394.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tư triệu đồng).

Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà P về số nợ trên nhưng do điều kiện kinh tế của tôi rất khó khăn, hiện tại lâm vào tình trạng bế nợ nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi được trả dần số tiền gốc trên (trả góp hằng tháng), còn số tiền lãi tôi xin bà P.

Quá trình đòi nợ của bà P tôi có nhận được văn bản của Luật sư 24H, nhận trước ngày 03/01/2020 và khi xem nội dung của văn bản ghi không chính xác về ngày vay tiền nên tôi điện thoại cho Luật sư để hỏi.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc 394.000.000 đồng, rút yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất là 52.533.333 đồng, không yêu cầu bà T trả tiền lãi và các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Về quyền khởi kiện: Theo Giấy vay tiền ngày 02/4/2019 (AL) và Giấy vay tiền ngày 24/6/2019 giữa bà Lê Thị T và bà Nguyễn Thị P có nội dung vay tiền không thể hiện thời hạn trả nợ, do đó được xác định đây là hợp đồng không kỳ hạn, nên ngày 20/12/2019 được sự ủy quyền của người cho vay Công ty Luật H đã có thông báo về việc trả nợ của bà T kể từ ngày 01/01/2020, đến thời điểm thông báo bà T không trả nợ nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng, nên bà P có quyền khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cho bà Lê Thị T vay cụ thể: Ngày 02/4/2019 cho bà T vay 120.000.000 đồng; ngày 24/6/2019 vay 280.000.000 đồng; cả hai lần vay chỉ nói miệng, đến khoảng tháng 10/2019 hai bên mới lập giấy vay tiền các khoản nợ trên và ghi thời gian vay tiền như trong giấy vay tiền. Giấy vay tiền lập là 394.000.000 đồng, do trước đó bà T đã trả được 6.000.000 đồng. Giấy vay tiền được lập không ghi lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ.

Đến nay bà T thừa nhận đang còn nợ của bà P số tiền 394.000.000 đồng. Do bà T hiện nay lâm vào tình trạng khó khăn nên hai bên không thỏa thuận được với nhau về phương thức, thời gian trả nợ, nhưng việc nợ trên giữa bà P và bà T là thực tế, do đó buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 394.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo giấy vay tiền hai bên không thể hiện lãi suất nay tại phiên tòa bà P không yêu cầu bà T trả số tiền lãi, việc rút yêu cầu của bà P là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận việc rút yêu cầu về phần lãi của bà P và đình chỉ xét xử phần yêu cầu về phần lãi suất 52.533.333 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên buộc bà T phải chịu án phí đối với phần được chấp nhận yêu cầu khởi kiện  $394.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 19.700.000 \text{ đồng}$ . Hoàn trả cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.850.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 243; khoản 3 Điều 144; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Điều 24; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc thực hiện hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P số tiền 394.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi tư triệu đồng*).

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu lãi suất 52.533.333 đồng của bà Nguyễn Thị P.

*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

*Về án phí:* Bà Lê Thị T chịu 19.700.000 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị P số tiền 9.850.000 đồng (*Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0009721 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo*

*quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
( Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Thắng**